10 ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HỌC KÌ 1 MÔN TIẾNG ANH 6 CÓ ĐÁP ÁN

	•	~						,		,	
4	\Box	I.: A	1	A E	l'-1	111/4		Tiếng	A I	_ 4	A
1	+10	KIRM	Tra	17	DDIII	HNI	mon	Hend	Δnn	SU.	1
• •		1/1/0111	u		Pilat				, ,,,,,,	00	•

TRƯỜNG THCS PHẠM HỒNG THÁI

KIỂM TRA 15 PHÚT HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2019 – 2020 Môn: TIẾNG ANH - LỚP 6

Thời gian: 15 phút (không tính thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỰC

(Đề thi c	ó 01 trang)					
	(Đề thi có 01 trang) I. Find the word which has a different sound in the part underlined					
1. A. h <u>o</u> pe	B. homework	C. c <u>o</u> me	D. d <u>o</u> n't			
2. A. f <u>a</u> rm	B. w <u>a</u> lk	C. <u>a</u> fter	D. cl <u>a</u> ss			
3. A. tea <u>ch</u> er	B. <u>ch</u> ess	C. lun <u>ch</u>	D. s <u>ch</u> ool			
II. Put the ve	erbs in the bracke	t in the correct f	form			
1. You (watc	h) T	V about 3 hours a	a day.			
2. My mothe	r can't answer the $ $	phone because s	he (cook) dinner.			
3. Phong and	d Minh	(ride) their bid	cycles to school from Monday to Friday.			
4. Those stu	dents	(practice) spea	king English at the moment.			
5. My family	likes (spend)	our sun	nmer holidays at the seaside.			
III. Choose t	he best answer b	y circling the A,	B, C or D			
1.I am having	g a math lesson bu	t I forgot my	I have some difficulty.			
A. calculator	B. rubber	C. pencil case	D. pencil sharpener			
2. We are ex	cited	the first day of so	chool			
A. at	B. with	C. about	D. in			
3. School	at a qu	arter to five				
A. isn't	B. doesn't finish	C. don't finish	D. have			
4. A good frie	end is ready to	things	s with his classmates			
A. listen	B. read	C. share	D. write			
Key						
I. Find the w	ord which has a	different sound i	n the part underlined			
1. C; 2. B; 3.	. D					
II. Put the ve	erbs in the bracke	t in the correct f	orm			
1. watch; 2. i	s cooking; 3. ride;	4. are practicing;	5. spending			
III. Choose t	he best answer b	y circling the A,	B, C or D			
1. A; 2. C; 3.	. B; 4. C	_	_			
2. Đề kiểm	2. Đề kiểm tra 15 phút HK1 môn Tiếng Anh số 2					



TRƯỜNG THCS NGÔ MÂY

KIỂM TRA 15 PHÚT HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2019 – 2020 Môn: TIẾNG ANH - LỚP 6

Thời gian: 15 phút (không tính thời gian giao đề)

ĐỂ CHÍNH THỰC

(Đề thi có 01 trang)

- I. Put am, is or are in the blanks.
- 1. I ...a teacher.
- 2. This my classroom.
- 3. We fine, thank you/
- 4. ...that your friend?
- **5.** What ... this?
- 6. My name John.
- II. Rewrite the sentences with the long form of TOBE
- 1. I'm ten years old =>...
- 2. What's your name? =>...
- 3. My name's Linh =>...
- **4.** We're fine. Thank you =>...
- III. Complete the passage

Hello my (1).... is Nam. I'm (2).....student. I am nineteen (3).....old. I (4)...... at 173 Le Loi street. This is my school and that (5)... my classroom.

Kev

- I. Put am, is or are in the blanks.
- 1. am
- **2.** is
- 3. are
- **4**. Is
- **5.** is
- **6.** is
- II. Rewrite the sentences with the long form of TOBE
- 1. I am ten years old.
- 2. What is your name?
- 3. My name is Linh.
- 4. We are fine. Thank you
- III. Complete the passage
- **1.** name;
- **2.** a;



3. ye	ears;					
4. liv	re;					
5. is						
3. Đ	ề kiểm tra 15 pl	hút HK1 môn Tiếng Anh số 3				
[TRƯỜNG THCS NGÔ QUYỀN ĐỀ CHÍNH THỨC	KIỂM TRA 15 PHÚT HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2019 – 2020 Môn: TIẾNG ANH - LỚP 6 Thời gian: 15 phút (không tính thời gian giao đề)				
L	 (Đề thi có 01 trang)					
		nich best completes the sentences:				
		o with my friend, Kathy Morgan.				
2. Al	I the lessons at my	school (am/ is/ are) interesting.				
	_	watching/ are watching) their room now.				
4. W	e often (ride/ rides/	are riding) our bikes to school.				
5. H	ow (do Ba go/ does	Ba go/ does Ba goes) to school every day?				
6. Th	nere (is/ are/ aren't)	a picture on the wall.				
7. Th	ne school is surrour	nded (with/ by/ in) mountains.				
8. Th	ere are (a book/ so	me book/ two books) on the table.				
II. R	e-order the words	to make sentences:				
9. W	hat/ you/ doing/ nov	w/ are?				
10. \	What/does/ she/ often	en do/ evening/in/the?				
	Γhere/ sofa / isn't / r					
12. (under/ the/ is/ the/ ta					
13. p	13. pass/ please/ the/ can/ biscuits/ you/ for/ me?					
	14. picnic/ a/ would/ have/ to/ you/ like?					
	/ live/ small/ house/	in/ a/ in / center/ the/ of/ the/ village.				
		nool yard/ in/ the/ now.				

Key

I. Write A, B, C or D which best completes the sentences:

- **1.** do
- 2. are
- 3. are watching
- 4. ride
- 5. does Ba go
- **6.** is
- **7.** by
- 8. two books

II. Re-order the words to make sentences:

- **9.** What are you doing now?
- **10.** What does she often do in the evening?
- **11.** There isn't a sofa in my room.
- **12.** The schoolbag is under the table.
- **13.** Can you pass the biscuits for me please?
- **14.** Would you like to have a picnic?
- **15.** I live in a small house in the center of the village.
- **16.** We are playing in the schoolyard now.

4. Đề kiểm tra 15 phút HK1 môn Tiếng Anh số 4

TRƯỜNG THCS LÊ HỒNG PHONG

KIĒM TRA 15 PHÚT HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2019 – 2020 Môn: TIẾNG ANH - LỚP 6

Thời gian: 15 phút (không tính thời gian giao đề)

ĐỂ CHÍNH THỰC

	(Đề	thi có	01	trang)
•	`				r

I. Choose the word wh	ose underlined part is	pronounced differently.
-----------------------	------------------------	-------------------------

- 1. A. sharpener B. help
- C. pencil
- D. bedroom

- 2. A. fridge
- B. stilt
- C. light
- D. villa

II. Odd one out

- 3. A. house
- **B.** apartment
- C. villa
- D. notebook

- **4. A.** lamp
- **B.** smart
- C. table
- D. chair

III. Give the correct form of the verbs in the blanket.

- 1	Look Thou (drive)	مانطه موموم
ລ. ເ	l ook! They (drive)	a motorbike

- **6.** Where do you live? I (live) _____ in a town house.
- 7. There (be) _____ a cupboard in the kitchen.



8. He usually (g	o)	swimmin	ng in their free time.
IV. Rearrange	the words to I	make a mean	ingful sentence.
9. and/ the/ The	e/ is/ cupboard/	[/] dishwasher/ l	between/ sink/ the.
10. are/ doing/	What/ you?		·
			?
Key	word whose u	ındarlinad naı	rt is pronounced differently.
1. A 2. C	word whose d	muerimeu pai	it is pronounced differently.
II. Odd one out	.		
3.D 4. B	•		
ש. ב. פ. III. Give the cor	rect form of t	he verhs in th	he blanket
5. are driving		10.00	
6. live			
7. is			
8. goes			
_	the words to I	make a meani	ingful sentence.
9. The dishwash	her is between	the cupboard	I and the sink.
10. What are yo	ou doing?		
5. Đề kiểm tr	a 15 phút H	K1 môn Tiế	ếng Anh số 5
TRƯỜNG	THCS	KIĒM TR	A 15 PHÚT HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2019 – 2020
HÒA B	ÌNH		Môn: TIẾNG ANH - LỚP 6
ĐỀ CHÍNH	THỨC	Thời (gian: 15 phút (không tính thời gian giao đề)
(Đề thi có (
(De un co c	r traily)		
L Chaosa tha	word whose u	ındarlinad naı	rt is pronounced differently.
1. A. school		C. <u>ch</u> aracter	•
2. A. m <u>u</u> seum			D. student
II. Odd one out	<u> </u>	0. m <u>u</u> sio	D. 31 <u>a</u> dent
3. A. bedroom		C. kitchen	D. toilet
4. A. pencil	B. ruler	C. villa	D. rubber
III. Choose the			
		m4	my house
5. There are so	me trees in fro	กเ	my nouse.



6. Ming often	the	e kitchen.	
A. cleans	B. is cleaning	C. cleaned	D. has cleaned
7. My classma	ate likes	swimming	.
A. going	B. playing	C. doing	D. having
8. She lives _	a bi	g apartment.	
A. on	B. in	C. for	D. of
IV. Write full	sentences base	d on the given	words
9. How many	people/ there/ in	/ your family?	
			?
10. Where/ ne	ew/ school?		
			?
Key			
I. Choose the	e word whose ur	nderlined part i	s pronounced differently.
1. D 2. B			
II. Odd one o	ut		
3. B 4. C			
III. Choose th	e best answer		
5. C 6. A	7. A 8. B		
IV. Write full	sentences based	d on the given	words
1. How many	people are there	in your family?	
2. Where is ye	our new school?		
6. Đề kiểm	tra 15 phút H	K1 môn Tiến	g Anh số 6
TRƯỜN	G THCS	KIĒM TRA	15 PHÚT HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2019 – 2020
CÁT	TÂN		WION: HENG ANH - LUP 6
ĐỀ CHÍN	H THỨC	i no i gia	n: 15 phút (không tính thời gian giao đề)
(Đề thi có	01 trang)		
	ank with a word		
	Asia Antarcti		nt
		landma	
•	s ai		
•	s a Britain's biggest		ia.
	e of		
			he symbol of
	located in South		•
J	.sca.sa iii oodiii		_ ·

6. The smallest	in the world is Australia.	
7. Have you ever see	en Big Ben? It is the most visited	in Britain.
8. Penguins often live weather.	e in because they are esp	ecially adapted to the cold
II. Put the verbs in b tense.	prackets into the present simple, pre	sent perfect or past simple
1. I (be)	here for two hours.	
2. He (be)	here for two hours.	
3. We (eat)	in that restaurant a few days ago.	
4. I (go)	to the cinema last week.	
5. She (see)	this movie already.	
6. They (see)	this movie already.	
7. She often (go)	to bed very late.	
8. Nam usually (take)	the bus to school.	
Key		
I. Fill each blank wit	h a word in the box.	
1. country;		
2. city;		
3. capital;		
4. Australia;		
5. Asia;		
6. continent;		
7. landmark;		
8. Antarctica;		
II. Put the verbs in b tense.	prackets into the present simple, pre	sent perfect or past simple
1. have been;		
2. has been;		
3. ate;		
4. went;		
5. has seen;		
6. have seen;		
7. goes;		
8. takes;		
7. Đề kiểm tra 15	phút HK1 môn Tiếng Anh số 7	

eLib.vn: Thư viện trực tuyến miễn phí



TRƯỜNG THCS CÁT TÂN

KIỂM TRA 15 PHÚT HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2019 – 2020 Môn: TIẾNG ANH - LỚP 6

Thời gian: 15 phút (không tính thời gian giao đề)

ĐỂ CHÍNH THỰC

 (Đề thi có 01 trang)
I. Missing words
1 is my family.
2. There four in my family.
3. My father a doctor.
4. How people are there in your?
5. What his name? John.
6. What's name? Linda.
7 is that? It's Lan.
8. How many doors are? There one.
II. Arrange in order
1. are/ in/ we/ our/ room/ living.
2. are/ there/ people/ in/ four/ my/ family.
3. father/ a/ my/ is/ doctor.
4. mother/ is/ his/ nurse/ a.
5. brother/ years/ is/ her/ ten/ old.
6. he/ what/ do/ does?
Key
I. Missing words
1. This
2. are - people
3. is
4. many - family
5. is
6. her
II. Arrange in order
1. We are in our living room.
2. There are four people in my family.
3. My father is a doctor.
4. His mother is a nurse.
5. Her brother is ten years old.

- 6. What does he do?
- 8. Đề kiểm tra 15 phút HK1 môn Tiếng Anh số 8

TRƯỜNG THCS HÒA HIỆP

KIỂM TRA 15 PHÚT HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2019 – 2020 Môn: TIẾNG ANH - LỚP 6

Thời gian: 15 phút (không tính thời gian giao đề)

ĐỂ CHÍNH THỰC

DE CHIN	ппос			
(Đề thi có	01 trang)			
I. Choose the			d part is pronounced diffe	rently.
1. A. st <u>u</u> dent	B. t <u>u</u> tor	C. m <u>u</u> sic	D. <u>ju</u> do	
2. A. <u>ga</u> rage	B. cell <u>a</u> r	C. st <u>a</u> nd	D. c <u>a</u> binet	
3. A. proof <u>s</u>	B. book <u>s</u>	C. points	D. day <u>s</u>	
4. A. street <u>s</u>	B. phone <u>s</u>	C. books	D. make <u>s</u>	
II. Give the c	orrect from	of the verbs	in the blankets.	
1. Your mothe	er (cook)		_the meal every day.	
2. Keep silent	t! I (listen)		to the radio.	
3. There (be r	not)	ma	iny people in the room.	
4	she (do)	ae	erobics now? - No, she	(be not).
5. Mila (not ty	rpe)	the	e report at the moment.	
6. What	you of	ten (do)	in your free time?	
7. What time	it	(be)?		
8. They (not le	earn)	S	Spanish at their room at pres	sent.
III. Write full	sentences b	ased on the	e given words	
1. There/ sofa	a/ in/ living ro	om.		
			·	
2. How many/	/ subject/ you	/ have/ today	y?	
			·	
Key				
I. Choose the	word whos	e underline	d part is pronounced diffe	rently.
1. D 2. B	3. D 4. I	3		
II. Give the co	orrect from o	of the verbs	in the blankets.	
1. cooks				
2. am listening	9			
3. are not				
4. ls doing -	- is not			

5. is not typing

6. do – do						
7. is						
8. are not learning						
III. Write full sentences based on the given words						
1. There is a sofa in the living room.						
2. How many subjects do you have today?						
9. Đề kiểm tra 15 phút HK1 môn Tiếng Anh số 9						
TRƯỜNG THCS KIỂM TRA 15 PHÚT HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2019 – 2020						
MỸ HÒA Môn: TIẾNG ANH - LỚP 6 Thời gian: 15 phút (không tính thời gian giao đề)						
ĐỀ CHÍNH THỰC						
(Đề thi có 01 trang)						
I. Choose the correct words to complete the following sentences.						
1 are you? I'm fine, thank you.						
A. How old B. How C. How many						
2. There a big board in my classroom.						
A. am B. is C. are						
3 are in our classroom.						
A. She B. We C. He						
4 students are there in your class? There are 40.						
A. How much B. How C. How many						
5 are these? They're my friends.						
A. What B. Who C. How						
6. are there in your classroom? Tables, chairs, a board and a teacher's desk.						
A. How many B. What C. How						
II. Supply the correct words to complete the passage.						
This is Tam. He's twelve1 old. He's2 student. There are four3 in his family: his father, his mother, his sister and he. His father is4_ engineer5 is forty years old. His mother6 a teacher, and she's forty,7						
Key						
I. Choose the correct words to complete the following sentences.						
1. B 2. B 3. B 4. C 5. B 6. B						
II. Supply the correct words to complete the passage.						
1. years;						
2. a;						
3. people;						

4. an;
5. He;
6. is;
7. too
10. Đề kiểm tra 15 phút HK1 môn Tiếng Anh số 10
TRƯỜNG THCS KIỂM TRA 15 PHÚT HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2019 – 2020
THANH XUÂN Môn: TIẾNG ANH - LỚP 6 Thời gian: 15 phút (không tính thời gian giao đề)
ĐỀ CHÍNH THỰC
(Đề thi có 01 trang)
I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently.
1. A. st <u>a</u> tion B. t <u>a</u> ble C. <u>ga</u> llery D. c <u>a</u> ve
2. A. island B. cuisine C. desert D. noisy
II. Find the mistake in each sentence and correct it.
3. The Sahara is the most biggest desert in the world.
A B C D
4. There is an statue in the square.
A B C D
III. Give the correct comparative and superlative forms of the adjectives in the blanket.
5. My sister is (tall) than me.
6. This is the (historic) temple in my area.
7. The cities are often (crowded) than the country side.
8. That valley is the (beautiful) valley I have ever seen.
IV. Rewrite the sentence in a way that doesn't change the meaning
9. No house in this neighborhood is bigger than this one.
This house
10. That river has many kinds of fishes.
There are
Key
I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently.
1. C 2. A
II. Find the mistake in each sentence and correct it.
3. C => biggest
4. B => a



III. Give the correct comparative and superlative forms of the adjectives in the blanket.

- 5. taller
- 6. most historic
- 7. more crowded
- 8. most beautiful
- IV. Rewrite the sentence in a way that doesn't change the meaning
- **9.** This house is the biggest one in this neighborhood.
- **10.** There are many kinds of fish in that river.

